

DỰ THẢO

THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN

**ĐƠN GIÁ THU NHẬN, LƯU TRỮ, BẢO QUẢN VÀ CUNG CẤP
THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

Tên phương án: Đơn giá thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Đơn vị đề nghị trình ban hành giá: Sở Tài nguyên và Môi trường.

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CÁC MỤC TIÊU

1. Sự cần thiết phải xây dựng mới đơn giá

Thực hiện nhiệm vụ thu thập, biên mục, chỉnh lý, tạo lập cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường đều xây dựng dự toán kinh phí dự trên các Thông tư và Quyết định do Bộ Nội vụ ban hành:

- Thông tư số 03/2010/TT-BNV ngày 29/4/2010 của Bộ Nội vụ Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật chỉnh lý tài liệu giấy;
- Thông tư số 12/2010/TT-BNV ngày 26/11/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn phương pháp xác định đơn giá chỉnh lý tài liệu giấy;
- Thông tư số 04/2014/TT-BNV ngày 23/6/2014 của Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ;
- Thông tư số 15/2011/TT-BNV ngày 11/11/2011 của Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế kỹ thuật vệ sinh kho bảo quản tài liệu lưu trữ và vệ sinh tài liệu;

Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 quy định về kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; nội dung bao gồm:

- Thu nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (gồm Thu thập thông tin, dữ liệu; Tiếp nhận thông tin, dữ liệu).

- Lưu trữ và bảo quản thông tin, tài liệu tài nguyên và môi trường (gồm Chính lý tài liệu lưu trữ dạng giấy; Tổ chức, lưu trữ tài liệu số; Bảo quản kho lưu trữ tài liệu; Bảo quản tài liệu lưu trữ dạng giấy; Bảo quản tài liệu số; Tu bổ, phục chế tài liệu lưu trữ dạng giấy; Xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử; Tiêu hủy tài liệu hết giá trị).

- Cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (gồm Cung cấp theo hình thức trực tiếp; Cung cấp theo hình thức trực tuyến).

Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành triển khai xây dựng đơn giá thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để công tác về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có cơ sở xây dựng dự toán kinh phí, đây là điều cần thiết và phù hợp tình hình thực tế.

2. Mục tiêu

Giúp các đơn vị có cơ sở xây dựng kế hoạch ngân sách hàng năm đối với công tác thu thập, quản lý dữ liệu và biên mục, chính lý, tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Là căn cứ lập dự toán kinh phí và thanh quyết toán việc thu thập, quản lý dữ liệu và biên mục, chính lý, tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

II. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐƠN GIÁ

- Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 58/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định mức đóng Bảo hiểm xã hội vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế;

- Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;
- Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;
- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;
- Nghị định số 191/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết về tài chính Công đoàn;
- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương;
- Thông tư 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;
- Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Nội vụ về ban hành quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử;
- Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn quản lý tại doanh nghiệp;
- Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;
- Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

- Thông tư số 07/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với cán bộ, công chức và viên chức;

- Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cán bộ, công chức và viên chức;

- Chứng thư thẩm định giá số 3644/CT-TĐG ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai.

III. THUYẾT MINH XÂY DỰNG CẤU THÀNH ĐƠN GIÁ

Đơn giá sản phẩm được cấu thành từ Chi phí trực tiếp và Chi phí quản lý chung.

1. Chi phí trực tiếp

Bao gồm các khoản mục cấu thành nên giá trị sản phẩm: chi phí nhân công, chi phí vật liệu, chi phí công cụ và dụng cụ, chi phí năng lượng, chi phí khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành.

1.1. Chi phí nhân công: Gồm chi phí lao động kỹ thuật và chi phí lao động phổ thông (nếu có) tham gia trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, dự án.

- Lao động kỹ thuật: Là lao động được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ theo chuyên ngành về tài nguyên và môi trường và các ngành nghề khác có liên quan, gồm: Kỹ sư, Kỹ thuật viên, Công nhân kỹ thuật;

- Lao động phục vụ (lao động phổ thông): là cán bộ các thôn, bản, ấp, tổ dân phố, những người am hiểu tình hình đất đai ở địa bàn được thuê mượn để thực hiện các công việc giản đơn trong công tác thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường.

+ Chi phí lao động kỹ thuật bằng (=) số lao động kỹ thuật theo định mức nhân (x) đơn giá ngày công lao động kỹ thuật nhân (x) số công định mức.

Trong đó:

$$\text{Đơn giá ngày công lao động kỹ thuật} = \frac{\text{Tiền lương một tháng theo cấp bậc kỹ thuật quy định trong định mức} + \text{Các khoản phụ cấp, đóng góp 01 tháng theo chế độ}}{26 \text{ ngày công/tháng}}$$

Tiền lương 01 tháng (=) lương cơ sở (1.490.000) nhân (x) hệ số bậc lương cấp bậc kỹ thuật (*theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang*).

Các khoản phụ cấp gồm: phụ cấp lưu động, phụ cấp trách nhiệm, riêng phụ cấp khu vực được áp dụng theo khu vực thực tế thực hiện.

Các khoản đóng góp của Bên sử dụng lao động (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) bằng 23,5% tiền lương 01 tháng;

+ Chi phí lao động phổ thông bằng (=) số lao động phổ thông theo định mức nhân (x) đơn giá ngày công lao động phổ thông.

Trong đó đơn giá ngày công lao động phổ thông: Đối với nhiệm vụ do ngân sách trung ương đảm bảo lấy theo giá bình quân chung của khu vực thi công trong năm; đối với nhiệm vụ do ngân sách địa phương đảm bảo theo giá ngày công lao động phổ thông do từng địa phương quy định.

Mức lao động kỹ thuật ngừng nghỉ việc do thời tiết của lao động kỹ thuật ngoài nghiệp được tính thêm 0,25 mức ngoài nghiệp quy định tại định mức kinh tế kỹ thuật.

1.2. Chi phí vật liệu:

Là giá trị vật liệu chính, vật liệu phụ dùng trực tiếp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, dự án.

Chi phí vật liệu bằng (=) Tổng số lượng từng loại vật liệu theo định mức nhân (x) đơn giá từng loại vật liệu. Trong đó:

- Đơn giá vật liệu: căn cứ theo giá thị trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (hoặc tại địa phương lân cận).

1.3. Chi phí công cụ, dụng cụ:

Là giá trị công cụ, dụng cụ được phân bổ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, dự án.

$$\text{Chi phí dụng cụ, dụng cụ} = \text{Số ca sử dụng công cụ, dụng cụ theo định mức} \times \text{Đơn giá sử dụng công cụ, dụng cụ phân bổ cho 01 ca}$$

Trong đó:

$$\text{Đơn giá sử dụng công cụ, dụng cụ phân bổ cho 01 ca} = \frac{\text{Đơn giá công cụ, dụng cụ}}{\text{Niên hạn sử dụng công cụ, dụng cụ theo định mức (tháng)} \times 26 \text{ ngày}}$$

Đơn giá công cụ, dụng cụ: căn cứ theo giá thị trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (hoặc tại địa phương lân cận).

- Mức dụng cụ có giá trị thấp chưa được quy định tại định mức dụng cụ được tính bằng 5% mức dụng cụ định mức quy định dụng cụ tương ứng.

1.4. Chi phí năng lượng:

Là chi phí sử dụng năng lượng dùng cho máy móc thiết bị vận hành trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, dự án.

Chi phí năng lượng bằng (=) Năng lượng tiêu hao theo định mức nhân (x) đơn giá do Nhà nước quy định.

Đơn giá điện năng tính theo giá bán thực tế quy định tại Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20 tháng 03 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân (chưa gồm thuế giá trị gia tăng) áp dụng cho đơn vị sự nghiệp tự thực hiện là 1.902 đồng/kwh.

1.5. Chi phí khấu hao tài sản cố định:

Theo quy định hiện hành về khấu hao tài sản cố định đối với đơn vị sự nghiệp công lập và theo lộ trình kết cấu chi phí khấu hao tài sản cố định vào giá sản phẩm do cấp có thẩm quyền quy định.

Chi phí khấu hao máy móc thiết bị là hao phí về máy móc thiết bị sử dụng trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, dự án. Chi phí khấu hao máy móc thiết bị bằng (=) Số ca máy theo định mức nhân (x) Mức khấu hao một ca máy.

Trong đó:

$$\text{Mức khấu hao một ca máy} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Số ca máy sử dụng một năm} \times \text{Số năm sử dụng}}$$

Số ca máy sử dụng một năm: Máy ngoại nghiệp là 250 ca; máy nội nghiệp là 500 ca.

2. Chi phí quản lý chung:

- Đơn giá thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017; đơn vị xây dựng đơn giá đề xuất chi phí quản lý chung được xác định theo tỷ lệ % tính trên chi phí trực tiếp, quy định cho từng nhóm công việc Nội nghiệp (gồm toàn bộ các công việc thực hiện trong phòng làm việc): 15%.

IV. TÁC ĐỘNG CỦA ĐƠN GIÁ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐỜI SỐNG, XÃ HỘI, THU NHẬP NGƯỜI TIÊU DÙNG

Trên cơ sở quy định về quy trình, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 quy định về kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Từ định mức quy định trên, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đơn giá để cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có cơ sở để lập dự toán kinh phí từ ngân sách nhà nước hoặc ký hợp đồng dịch vụ thực hiện việc thu thập, quản lý dữ liệu và biên mục, chỉnh lý, tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ tài nguyên và môi trường theo yêu cầu, thỏa thuận với các cơ quan ngành tài nguyên và môi trường và các tổ chức.

Do đó, khi xây dựng đơn giá này, Sở Tài nguyên và Môi trường đã căn cứ định mức, định biên quy định tại Thông tư 03/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường để tính toán đảm bảo đủ chi phí cho đơn vị thực hiện tạo ra sản phẩm nên mức giá phù hợp mức chi trả của ngân sách và của các cơ quan ngành tài nguyên và môi trường và các tổ chức.

Đơn giá này áp dụng cho Cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường các cấp và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện thu thập, quản lý dữ liệu và biên mục, chỉnh lý, tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Việc thu thập dữ liệu nhằm để quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu thông tin dữ liệu môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Vì vậy đơn giá trên được xây dựng theo các căn cứ quy định của pháp luật, biến động theo chỉ số giá tiêu dùng không đáng kể; làm cơ sở cho cơ quan nhà nước tính toán kinh phí đặt hàng cho đơn vị thực hiện công tác Thu thập, quản lý dữ liệu và biên mục, chính lý, tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh theo nhiệm vụ hàng năm. Không tác động đến cộng đồng dân cư, người dân trên địa bàn tỉnh.

V. CÁC BIỆN PHÁP TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Đơn giá sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm triển khai đến Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Biên Hoà, Long Khánh thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh.